

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỈNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-06-2024

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỈNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Anh Đào và ông Nguyễn Lâm Tới.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 207/05/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bị đơn: bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1987; nơi cư trú: tổ B, ấp T, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa, ông Nguyễn Trung N trình bày:

Về hôn nhân: ông và bà D tự chung sống vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang. Cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà D chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng bất hoà và thường xuyên cãi vã nhau không khắc phục được; đến tháng 10 năm 2023 thì mâu thuẫn giữa ông và bà Mỹ D càng trầm trọng, ông chuyển ra ngoài ở trọ sống riêng, ông và bà Mỹ D cũng không còn sống chung với nhau từ đó đến nay. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên ông N xin được ly hôn với bà D.

Về con chung: có hai con chung tên Nguyễn Võ Tường V, sinh ngày 23/7/2011 và Nguyễn Võ Bảo N1, sinh ngày 15/10/2020, hiện do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông N đồng ý giao các con cho bà D được tiếp tục nuôi con và ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi đứa là 2.500.000đ/người/tháng cho đến khi các con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung.

2. Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn bà Võ Thị Mỹ D văn bản tố tụng: thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có nguyên đơn ông N có mặt, bị đơn bà D vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Ngày 27/05/2024, Tòa án mở phiên tòa xét xử và đã triệu tập hợp lệ các đương sự, nguyên đơn ông N vắng mặt, có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn bà D vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn bà D tiếp tục vắng mặt lần 2, không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn ông N thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn bà D thì không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét trên cơ sở phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Trung N.

Về con chung: Nguyễn Võ Tường V sinh ngày 23/7/2011, Nguyễn Võ Bảo N1 sinh ngày 15/10/2020 cho bà Võ Thị Mỹ D nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Trung N cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Nguyễn Võ Tường V sinh ngày 23/7/2011, Nguyễn Võ Bảo N1 sinh ngày 15/10/2020 mỗi cháu là 2.500.000 đồng/tháng đến khi 02 cháu trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn thị xã T, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của ông N, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà D đã được triệu tập hợp lệ lần 2 tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự và xét xử vụ án theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà D được xác lập vào năm 2010, sau thời điểm Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn ông N và bị đơn bà D được xác lập vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã T, tỉnh An Giang theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình 2000 nên đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Theo lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, đã phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống hiên ly thân nhau từ tháng 10 năm 2023.

Theo quy định tại Điều 18 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: “Vợ chồng chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững”.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng nguyên đơn và bị đơn đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2023, do cuộc sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn. Điều đó, cho thấy tình trạng hôn nhân vợ chồng là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn ông N khởi kiện xin ly hôn bà D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] Về quan hệ con chung: ông N và bà D có hai con chung tên Nguyễn Võ Tường V, sinh ngày 23/7/2011 và Nguyễn Võ Bảo N1, sinh ngày 15/10/2020, hiện do bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông N giao quyền tiếp tục nuôi 02 đứa con chung tên V và N1 cho bà D; lời khai của cháu V có nguyện vọng muốn sống với bà D. Để ổn định môi trường sống, học tập, vui chơi giải trí của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu V và N1 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

Theo quy định: bà Võ Thị Mỹ D là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo căn cứ do pháp luật quy định.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: ông N tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 đứa con chung tên Nguyễn Võ Tường V sinh ngày 23/7/2011, Nguyễn Võ Bảo N1 sinh ngày 15/10/2020 cho mỗi người là 2.500.000 đồng/người/tháng đến khi trưởng thành. Nhận thấy đây là sự tự nguyện thực hiện nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên, phù hợp với pháp luật hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về nghĩa vụ chứng minh, nguyên đơn ông N khởi kiện và đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp theo khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Đối với bị đơn bà Võ Thị Mỹ D, trong quá trình tố tụng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ việc nhưng bà D không đến không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan; không gửi ý kiến bằng văn bản và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nhằm thể hiện sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem là từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét gì cho bị đơn.

[10] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[11] Về án phí: ông Nguyễn Trung N là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn. Bà Võ Thị Mỹ D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 9, 11, 89, 91, 92, 93 và Điều 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Trung N.

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Trung N được ly hôn với bà Võ Thị Mỹ D.

Về quan hệ con chung: giao cho bà Võ Thị Mỹ D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Võ Tường V, sinh ngày 23/7/2011 và Nguyễn Võ Bảo N1, sinh ngày 15/10/2020.

Bà Võ Thị Mỹ D là người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo căn cứ do pháp luật quy định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Trung N cấp dưỡng nuôi con chung cho em Nguyễn Võ Tường V, sinh ngày 23/7/2011 và Nguyễn Võ Bảo N1, sinh ngày 15/10/2020, mỗi người với số tiền là 2.500.000 đồng/người/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính kể từ tháng 07 năm 2024 cho đến khi các con chung trưởng thành.

Về án phí sơ thẩm: ông Nguyễn Trung N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo lai lai số 0009339 ngày 05/10/2023 của Chi Cục Thi hành án Dân sự thị xã Tịnh Biên.

Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai; thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên;
- Chi Cục thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ và Văn phòng.

Châu Nam Phú